

PHỤ LỤC I:
DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN CHUYÊN ĐỔI SỐ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN ĐỀ ÁN SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 2391/KH-UBND ngày 03/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí dự kiến	Ghi chú
1	Nâng cấp Trung tâm dữ liệu tỉnh theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành địa phương	2026 - 2027	25,000	Đã được giao tại Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 30/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Thông qua dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 20230; Nghị quyết số 05-NQ/ĐH ngày 19/9/2025 của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Lai Châu lần thứ XV, nhiệm kỳ 2025 - 2030; Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 14/10/2025 của BCH Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại biểu Đảng bộ tỉnh Lai Châu lần thứ XV, nhiệm kỳ 2025 - 2030.
2	Xây dựng cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị (GIS).	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành địa phương	2026 - 2030	15,000	Đã có trong Công văn số 5857/UBNDXD-VX ngày 30/9/2025 về việc đăng ký với Bộ Khoa học và Công nghệ danh mục nhiệm vụ/dự án khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách TW giai đoạn 2026 - 2030.
3	Triển khai hệ thống chiếu sáng đô thị thông minh tỉnh Lai Châu.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành địa phương	2026 - 2030	15,000	
4	Xây dựng Hệ thống Quản trị thực thi nhiệm vụ trên Nền tảng số tỉnh Lai Châu	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành địa phương	2026 - 2030	15,000	
5	Triển khai Trung tâm dự phòng dữ liệu tỉnh Lai Châu.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành địa phương	2026 - 2030	10,000	

6	Triển khai hệ thống camera AI kiểm soát người, phương tiện vào/ra tại cửa khẩu tỉnh Lai Châu.	Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh	Các sở, ban, ngành địa phương	2026 - 2030	20,000	<p>Đã có trong Công văn số 5857/UBND-VX ngày 30/9/2025 về việc đăng ký với Bộ Khoa học và Công nghệ danh mục nhiệm vụ/dự án khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách TW giai đoạn 2026 - 2030.</p>	
7	Xây dựng nền tảng kết nối và quản lý thiết bị Internet vạn vật (IoT) dùng chung cấp tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành địa phương	2026 - 2030	10,000		
8	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Điều hành thông minh tỉnh Lai Châu.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành địa phương	2026 - 2030	15,000		
9	Triển khai nền tảng quản lý thông minh cho khu, cụm công nghiệp, tích hợp các dịch vụ như giám sát, quản lý năng lượng, logistics và bảo trì.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành địa phương	2026 - 2030	50,000		
10	Nâng cấp Nền tảng LGSP và dịch vụ tích hợp theo chuẩn Hub và chuẩn mở bảo mật API đảm bảo sẵn sàng chia sẻ và liên thông.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành địa phương	2026 - 2030	50,000		
11	Phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ hoạt động chính quyền, hướng tới CDS	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành địa phương	2026 - 2030	10,000		
12	Đầu tư thiết bị, phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ xây dựng Chính quyền số, địa phương thông minh tỉnh Lai Châu	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành địa phương	2026 - 2030	50,000		
13	Xây dựng triển khai Kho Dữ liệu dùng chung của Tỉnh phục vụ phân tích, xử lý, cung cấp và phân phối chia sẻ dữ liệu	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành địa phương	2026 - 2030	70,000		
TỔNG KINH PHÍ					355,000		

PHỤ LỤC II:
DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TRỌNG TÂM CHUYÊN ĐỔI SỐ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN SỬ DỤNG VỐN SỰ NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 2391/KH-UBND ngày 03/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Tổng kinh phí dự kiến					Ghi chú	
				Tổng	2026	2027	2028	2029		2030
1	Kinh phí thuê Hệ thống quản lý văn bản và điều hành	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành địa phương	11,732	1,732	2,500	2,500	2,500	2,500	
2	Kinh phí thuê đường mạng số liệu chuyên dùng cấp II cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành địa phương	4,503	4,503	0	0	0	0	
3	Xây dựng Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp viễn thông	720	720	0	0	0	0	
4	Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia tỉnh Lai Châu và Ban chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Lai Châu	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành địa phương	560	80	120	120	120	120	
5	Xây dựng Công dữ liệu mở	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành địa phương	6,999	6,999	0	0	0	0	
6	Thuê đường truyền duy trì hoạt động của Trung tâm dữ liệu tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Trung tâm CNTT&TT	1,980	396	396	396	396	396	
7	Mua thiết bị tường lửa (Check point)	Sở Khoa học và Công nghệ	Trung tâm CNTT&TT	2,059	2,059	0	0	0	0	
8	Mua chứng chỉ SSL	Sở Khoa học và Công nghệ	Trung tâm CNTT&TT	75	15	15	15	15	15	

9	Mua phần mềm diệt vi rút cho hệ thống máy chủ Trung tâm tích hợp dữ liệu	Sở Khoa học và Công nghệ	Trung tâm CNTT&TT	375	75	75	75	75	75
10	Kinh phí mua màn hình Led phục vụ công tác giảng dạy, triển khai bình dân học vụ số	Sở Khoa học và Công nghệ	Trung tâm CNTT&TT	120	120	0	0	0	0
11	Kinh phí xây dựng nội dung, bài giảng, clip triển khai bình dân học vụ số	Sở Khoa học và Công nghệ	Trung tâm CNTT&TT	365	73	73	73	73	73
12	Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Trung tâm CNTT&TT	2,290	458	458	458	458	458
13	Thuê dịch vụ CNTT Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành địa phương	25,575	5,115	5,115	5,115	5,115	5,115
14	Duy trì và thuê bao đường truyền công thông tin điện tử tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành địa phương	250	50	50	50	50	50
15	Thuê dịch vụ CNTT Hệ thống truyền hình hội nghị	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành địa phương	20,375	4,075	4,075	4,075	4,075	4,075
16	Hệ thống phòng họp không giấy Ecabinet của Tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành địa phương	19,335	3,867	3,867	3,867	3,867	3,867
17	Hệ thống thông tin chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch tỉnh UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành địa phương	11,600	2,320	2,320	2,320	2,320	2,320
18	Kinh phí duy trì vận hành phần mềm quản lý và khai thác báo cáo ngân sách (Tabmis) tại Sở Tài chính	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành địa phương	225	45	45	45	45	45
19	Kinh phí thuê kênh truyền thiết bị hạ tầng truyền thông Tabmis; thuê kênh truyền hội nghị trực tuyến; thuê đường truyền internet vận hành phần mềm quản lý chi các đơn vị dự toán	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành địa phương	365	73	73	73	73	73

20	Duy trì, vận hành Sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Lai Châu (https://laichau.biz)	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành địa phương	500	100	100	100	100	100
21	Xây dựng trang thông tin tư vấn và xúc tiến đầu tư tỉnh Lai Châu	Sở Tài chính		490	490	0	0	0	0
22	Kinh phí thuê công du lịch thông minh và chi trả nhuận bút trên công du lịch thông minh	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch		6,950	1,390	1,390	1,390	1,390	1,390
23	Kinh phí số hoá 3D các điểm du lịch đã được công nhận	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch		900	900	0	0	0	0
24	Duy trì và nâng cấp phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu du lịch tỉnh Lai Châu	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch		97	97	0	0	0	0
25	Kinh phí thuê dịch vụ Hệ thống giám sát danh tiếng và Thông tin trực tuyến	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch		1,730	346	346	346	346	346
26	Kế hoạch tuyên truyền Nghị quyết 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2025-2030	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành địa phương	830	166	166	166	166	166
27	Kinh phí nâng cấp hệ thống thông tin nguồn	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	UBND các xã, phường	841	841	0	0	0	0
28	Kinh phí thuê máy chủ duy trì phần mềm thư viện số	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch		260	52	52	52	52	52
29	Kinh phí nâng cấp phần mềm cơ sở dữ liệu về trồng trọt	Sở Nông nghiệp và Môi trường		478	478	0	0	0	0

30	Kinh phí thuê Dịch vụ hạ tầng CNTT (dịch vụ máy cloud) phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Lai Châu	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành địa phương	900	180	180	180	180	180
31	Kinh phí thuê Dịch vụ hạ tầng CNTT (dịch vụ máy cloud) phần mềm đánh giá chấm điểm chỉ số cải cách hành chính	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành địa phương	825	165	165	165	165	165
32	Nâng cấp phần mềm đánh giá, chấm điểm Cải cách hành chính	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành địa phương	726	726	0	0	0	0
33	Phần mềm “Ứng dụng trên PHẦN MỀM INTERNET VNPT-ETEST và thuê máy chủ VNPTCLOUD”	Sở Nội vụ		450	90	90	90	90	90
34	Kinh phí số hóa tài liệu lưu trữ bảo quản tại kho Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành địa phương	4,128	4,128	0	0	0	0
35	Chi phí thuê máy chủ Cloud cho hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo		2,425	485	485	485	485	485
36	Chi phí thuê máy chủ Cloud cho hệ thống nền tảng dạy học trực tuyến ngành giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo		2,655	531	531	531	531	531
37	Chi phí thuê máy chủ Cloud cho Hệ thống thông tin ngành giáo dục nghề nghiệp	Sở Giáo dục và Đào tạo		1,045	209	209	209	209	209
38	Tổ chức Ngày hội khoa học, sáng tạo và STEM cấp tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành địa phương	450	90	90	90	90	90
39	Xây dựng mô hình chợ số tại xã Than Uyên năm 2026	Sở Công Thương	UBND xã Than Uyên	41	41	0	0	0	0
40	Duy trì hệ thống quản lý truy xuất nguồn gốc các sản phẩm hàng hóa tỉnh Lai Châu trên không gian số năm 2026	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành địa phương	165	33	33	33	33	33

41	Tổ chức các Hội nghị tập huấn các quy định pháp luật về hương mại điện tử và kỹ năng bán hàng qua thương mại điện tử	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành địa phương	295	59	59	59	59	59
42	Nâng cấp phần mềm Công chứng, chứng thực các hợp đồng giao dịch liên quan đến bất động sản trên địa bàn tỉnh	Sở Tư pháp		451	451	0	0	0	0
43	Kinh phí mua sắm máy tính, máy in phục vụ soạn thảo tài liệu mật	Sở Tư pháp		33	33	0	0	0	0
44	Thuê hệ thống Hồ sơ sức khỏe điện tử	Sở Y tế		4,000	800	800	800	800	800
45	Thuê hệ thống Phần mềm quản lý trạm Y tế xã, phường	Sở Y tế		6,000	1,200	1,200	1,200	1,200	1,200
46	Thuê phần mềm Quản lý khám, chữa bệnh	Sở Y tế		25,590	5,118	5,118	5,118	5,118	5,118
47	Tiếp tục thuê phần mềm, thiết bị hạ tầng thực hiện bệnh án điện tử	Sở Y tế		47,965	9,593	9,593	9,593	9,593	9,593
48	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ “Đề án khai thác cơ sở dữ liệu Quốc gia về Kiểm soát tài sản, thu nhập”	Thanh tra tỉnh		1,800	360	360	360	360	360
49	Xây dựng phần mềm quản lý, điều phối phương tiện, bãi đỗ xe tại cửa khẩu Quốc tế Ma Lò Thành	Ban Quản lý Khu kinh tế		990	990	0	0	0	0
50	Kinh phí thuê hệ thống Quản lý thu phí và phương tiện ra vào cửa khẩu	Ban Quản lý Khu kinh tế		2,225	445	445	445	445	445
51	Kinh phí thuê dịch vụ truyền dẫn và phát sóng, quảng bá chương trình phát thanh, truyền hình Lai Châu theo tiêu HD trên vệ tinh vinasat1	Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh		22,825	4,565	4,565	4,565	4,565	4,565
52	Chi thuê WebHosting + máy chủ ảo	Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh		1,475	295	295	295	295	295

53	Thuê dịch vụ truyền dẫn phát sóng kênh Truyền hình Lai Châu theo tiêu chuẩn HD trên máy phát truyền hình số mặt đất	Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh		4,395	879	879	879	879	879	
54	Thuê dịch vụ mở rộng phát sóng quảng bá kênh truyền hình Lai Châu trên hệ thống dịch vụ truyền hình cáp VTVCab, SCTVCab	Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh		14,275	2,855	2,855	2,855	2,855	2,855	
55	Phần mềm quản lý kiến nghị cử tri và giải quyết khiếu nại, tố cáo	Văn phòng đoàn ĐBQH - HĐND tỉnh	Các sở, ban, ngành địa phương	3,312	3,312	0	0	0	0	
56	Kinh phí thực hiện chuyển đổi số Ban chỉ huy phòng thủ khu vực	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh		970	970	0	0	0	0	
57	Kinh phí thực hiện công tác tuyên truyền và mua sắm trang thiết bị chuyển đổi số	Ban Chỉ huy Bộ đội biên phòng		460	460	0	0	0	0	
58	Kinh phí thực hiện CDS khối Đảng	Văn phòng tỉnh Ủy		600	600	0	0	0	0	
59	Thuê hạ tầng công nghệ thông tin, máy chủ ảo hoá; vận hành; bảo trì hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở ngành tỉnh	1,760		440	440	440	440	
60	Thuê máy chủ duy trì hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản trên địa bàn tỉnh	Chi cục Chăn nuôi và thú y - Sở NNMT	Các sở ngành tỉnh	240	48	48	48	48	48	
61	Thuê máy chủ duy trì CSDL về trồng trọt	Chi cục Trồng trọt và BVTV	Các sở ngành tỉnh	420	84	84	84	84	84	
62	Chi phí thuê Hệ thống thông tin quản lý đất đai tỉnh Lai Châu	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở ngành tỉnh	18,286	1951	4039	4039	4039	4218	
TỔNG KINH PHÍ				294,756	79,381	53,799	53,799	53,799	53,978	

PHỤ LỤC III:
DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TRỌNG TÂM CHUYÊN ĐỔI SỐ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN SỬ DỤNG VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 2391/KH-UBND ngày 03/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí dự kiến	Ghi chú
1	Thúc đẩy hoạt động thương mại điện tử, gồm: Chương trình Thúc đẩy tiêu thụ nông sản, đặc sản địa phương thông qua hoạt động thương mại điện tử; Tổ chức Hội nghị tập huấn về các quy định pháp luật về thương mại điện tử và kỹ năng bán hàng qua thương mại điện tử	Sở Công Thương	Sở, ngành liên quan; UBND các xã; DN, HTX, hộ sản xuất kinh doanh	Giai đoạn 2026-2030	4,000	Sở Công Thương đề xuất nhiệm vụ thúc đẩy hoạt động thương mại điện tử tại Công văn số 3464/SCT-QLTM ngày 04/11/2025 về việc xây dựng nội dung các Chương trình MTQG: Xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 gửi Sở Dân tộc và Tôn giáo; Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp.
TỔNG KINH PHÍ					4,000	

PHỤ LỤC III:
DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TRỌNG TÂM CHUYÊN ĐỔI SỐ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN SỬ DỤNG VỐN DOANH NGHIỆP, XÃ HỘI HÓA

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 2391/KH-UBND ngày 03/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Tổng kinh phí dự kiến	Ghi chú
1	Đầu tư hạ tầng phủ sóng 5G/6G trên địa bàn tỉnh	Các doanh nghiệp viễn thông	Các sở, ngành tỉnh; Các địa phương.	300,000	
TỔNG KINH PHÍ				300,000	

PHỤ LỤC V:
DANH MỤC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO SỬ DỤNG VỐN SỰ NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 2391/KH-UBND ngày 03/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

STT	Định hướng nghiên cứu (Chương trình/cụm nhiệm vụ)	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Ghi chú
1	Nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm sâm Lai Châu và dược liệu trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2026 - 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và môi trường, sở Công thương và các sở, ngành liên quan; UBND các xã;	Giai đoạn 2026-2030	500,000	Chương trình
2	Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ (chế biến, AI, ToT,...) trong hoạt động quản lý tài nguyên thiên nhiên và phòng chống thiên tai	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và môi trường, sở tài Chính và Sở, ngành liên quan; UBND các xã;	Giai đoạn 2026-2030	1,000,000	Chương trình
3	Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ số, công nghệ AI, IoT trong bảo tồn, phổ biến văn hoá các dân tộc tại tỉnh Lai Châu gắn với phát triển du lịch	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Văn hóa thể thao và Du lịch, sở tài Chính và Sở, ngành liên quan; UBND các xã;	Giai đoạn 2026-2030	100,000	Cụm nhiệm vụ
4	Ứng dụng công nghệ số AI, rô bốt thông minh trong sản xuất, chế biến sản phẩm hàng hóa	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và môi trường, sở Công thương và các sở, ngành liên quan; UBND các xã	Giai đoạn 2026-2030	200,000	Cụm nhiệm vụ
5	Nghiên cứu, Ứng dụng công nghệ phát triển nông nghiệp, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng chống thiên tai gắn với công nghệ số, AI, IoT, ...	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và môi trường, sở tài Chính và Sở, ngành liên quan; UBND các xã;	Giai đoạn 2026-2030	82,000	Cụm nhiệm vụ

6	Nghiên cứu, Ứng dụng công nghệ hiện đại, công nghệ số, AI trong y tế (Bác sĩ ảo, Khám chữa bệnh từ xa, kết nối chăm sóc sức khoẻ nhân dân); quản lý tế thông minh;	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Y tế, và Sở, ngành liên quan; UBND các xã;	Giai đoạn 2026-2030	100,000	Cụm nhiệm vụ
7	Ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ phát triển y tế chuyên sâu, kỹ thuật hiện đại về công nghệ sinh học; nghiên cứu, ứng dụng y học cổ truyền.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ngành liên quan; UBND các xã;	Giai đoạn 2026-2030	10,000	Cụm nhiệm vụ
8	Nghiên cứu, Ứng dụng công nghệ số, AI trong phát triển giáo dục toàn phần	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Giáo dục, Sở nội vụ và Sở, ngành liên quan; UBND các xã;	Giai đoạn 2026-2030	100,000	Cụm nhiệm vụ
9	Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc; bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp cho sản phẩm hàng hoá chủ lực, đặc sản và sản phẩm OCOP	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ngành liên quan; UBND các xã;	Giai đoạn 2026-2030	15,000	Cụm nhiệm vụ
10	Ứng dụng công nghệ số, AI, IoT,... trong xử lý môi trường, chất thải chăn nuôi, y tế, sinh hoạt và công nghiệp và sản xuất năng lượng tái tạo.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và môi trường, và các sở, ngành liên quan; UBND các xã	Giai đoạn 2026-2030	500,000	Cụm nhiệm vụ
12	Hỗ trợ triển khai các chính sách của Nghị quyết	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ngành liên quan; UBND các xã;	Giai đoạn 2026-2030	150,000	
13	Hợp tác quốc tế chuyển giao tiến bộ KHCN, ĐMST với Trung Quốc	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ngành liên quan; UBND các xã;	Giai đoạn 2026-2030	5,000	Theo giai đoạn

14	Thành lập và vận hành sàn giao dịch điện tử KHCN	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ngành liên quan; UBND các xã;	Giai đoạn 2026-2030	3,000	
15	Tổ chức các hoạt động kết nối thị trường KHCN	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ngành liên quan; UBND các xã;	Giai đoạn 2026-2030	2,000	
16	Tuyên truyền ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ngành liên quan; UBND các xã;	Giai đoạn 2026-2030	6,000	
	Tổng				2,773,000	

DỰ KIẾN TỔNG KINH PHÍ THỰC HIỆN

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 2391/KH-UBND ngày 03/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng kinh phí dự kiến	Ghi chú
1	NHIỆM VỤ, DỰ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN ĐỀ ÁN SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ	355,000	
2	NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TRỌNG TÂM CHUYỂN ĐỔI SỐ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN SỬ DỤNG VỐN SỰ NGHIỆP	294,756	
3	NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TRỌNG TÂM CHUYỂN ĐỔI SỐ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN SỬ DỤNG VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA	4,000	
4	NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TRỌNG TÂM CHUYỂN ĐỔI SỐ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN SỬ DỤNG VỐN DOANH NGHIỆP, XÃ HỘI HÓA	300,000	
5	NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO SỬ DỤNG VỐN SỰ NGHIỆP	2,773,000	
TỔNG KINH PHÍ		3,726,756	